TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2026
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Anh Huy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thanh Nga
2. Ông Nguyễn Lê Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Châu là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 16/2026/QĐST-HPT ngày 25 tháng 3 năm 2026, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 77/TB-TA ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976
Địa chỉ: khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng.
Bị đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1978
Nơi cư trú: khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng
Tại phiên tòa bà T, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Trần Ngọc H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường M, TP ., tỉnh Bình Thuận (nay là phường M, Tỉnh Lâm Đồng)

Thời gian chung sống chúng tôi đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bạo hành vợ con nên tôi không còn tình cảm nữa. Nay thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn để sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung Trần T1, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Thị Kim V, sinh ngày 18/7/2003. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Ông Trần Ngọc H đã được Tòa án triệu tập cũng như tống đạt nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng cũng không đến Tòa án, đến nay thì có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T.

Vụ án không hòa giải được do bà T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc H; Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần T1, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Thị Kim V, sinh ngày 18/7/2003. 02 cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động nên đề nghị không xét; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn ông Trần Ngọc H và không yêu cầu giải quyết về nuôi con. Bị đơn ông Trần Ngọc H có nơi cư trú tại khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời bà Nguyễn Thị T cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên toà; Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Trần Ngọc H, bà Nguyễn Thị T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 267 ngày 30 tháng 10 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường M, TP ., tỉnh Bình Thuận (nay là Phường M, tỉnh Lâm Đồng) nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà T là hợp pháp.

Lý do bà T yêu cầu ly hôn là do chồng không chăm lo cho gia đình, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bạo hành vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn để sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"* và *"Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*".

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*".

Từ quy định được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông H không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; Tòa án đã thông báo để hòa giải giữa hai bên nhưng ông H không đến Tòa án; đồng thời bà T cũng đề nghị tòa không hòa giải, chứng tỏ ông bà không cho nhau cơ hội để tiếp tục sống chung nên ông bà đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay ông H có đơn xin xét xử vắng mặt chứng tỏ ông đã khước từ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Từ những nhận định trên, cho thấy ông H không phản đối những tình tiết do bà T đưa ra nên bà T không phải chứng minh và yêu cầu ly hôn của bà T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà T khai giữa bà và ông H có 02 con chung tên Trần T1, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Thị Kim V, sinh ngày 18/7/2003 các con đã trưởng thành có khả năng lao động. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quyền trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc H.

Về con chung: Có 02 con Trần T1, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Thị Kim V, sinh ngày 18/7/2003 các con đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ngày 19/11/2025 bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008821 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Chi cục THADS Tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Biện Anh Huy